|  |  |
| --- | --- |
| A blue circle with text and a book  AI-generated content may be incorrect. | TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT  **KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH**  **BỘ MÔN QUẢN LÝ CÔNG** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

***Mẫu 7: Đề cương chi tiết học phần***

## 1. Thông tin tổng quát:

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên học phần tiếng Việt** | **CHÍNH SÁCH CÔNG** |
| **Tên học phần tiếng Anh** | **Public Policy** |
| **Mã học phần** | BEM5002 |
| Thuộc khối kiến thức | Kiến thức chuyên ngành:  ☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn |
| Trình độ | Đại học |
| Ngành học | Quản lý công |
| Khóa học | 2025-2029 |
| Năm học | 2026-2027 |
| Học kỳ | I |
| Số tín chỉ | 03 tín chỉ:   * Lý thuyết (15 tiết/tín chỉ): 45 tiết * Tự học, tự nghiên cứu (30 giờ/tín chỉ): 90 giờ |
| Môn học tiên quyết |  |
| Môn học trước | Lý luận về quản lý công |
| Môn học sau |  |
| Môn học song hành |  |
| Ngôn ngữ sử dụng trong giảng dạy | Tiếng Việt |
| Các giảng viên phụ trách giảng dạy | ThS. Đào Văn Hân |
| Các giảng viên trợ giảng | TS. Lê Văn Gấm |

**2. Mô tả môn học**

*(Vị trí của môn học đối với chương trình đào tạo (CTĐT), những mục đích và nội dung chính yếu của môn học)*

Học phần Chính sách công được thiết kế trong chương trình Đào tạo Cử nhân Quản lý công nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức lý luận về chính sách công, các phương pháp tiếp cận chính sách công và những yếu tố ảnh hưởng đến sự thành công hay thất bại của chính phủ trong can thiệp vào thị trường bằng chính sách công, quy trình chính sách công…thông qua việc phân tích các tình huống chính sách cụ thể. Trên cơ sở đó hình thành cho sinh viên động cơ, thái độ và ý thức tích cực, đúng đắn khi học và tham gia vào các quá trình chính sách công.

## 3. Tài liệu học tập

*(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)*

## 3.1. Giáo trình:

1. Đỗ Phú Hải (2017), Tổng quan về Chính sách công, NXB Chính trị Quốc gia

## 3.2. Tài liệu khác:

1. Kraft, M. E., & Furlong, S. R. (2020). *Public Policy: Politics, Analysis, and Alternatives* (8th ed.). Thousand Oaks, CA: CQ Press.

2. Kingdon, J. W., & Stano, E. (1984). Agendas, alternatives, and public policies (Vol. 45, pp. 165-169). Boston: Little, Brown.

3. Acemoglu, D. (Trần Thị Kim Chi và cộng sự -dịch) (2017). Tại sao các quốc gia thất bại: nguồn gốc của quyền lực, thịnh vượng, và nghèo đói. NXB Trẻ

4. Birkland, T. A. (2019). An introduction to the policy process: Theories, concepts, and models of public policy making. Routledge

## 4. Mục tiêu môn học

*(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TĐNL) được phân bổ cho môn học)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu (COx)**  **(1)** | **Mô tả mục tiêu (2)** | **CĐR của CTĐT (PLOx) (3)** | **TĐNL (4)** |
| CO1 | Sinh viên hiểu và phân tích được kiến thức tổng quan về chính sách công, các phương pháp tiếp cận chính sách công, nhân tố tham gia chính thức và không chính thức vào quá trình chính sách công và các yếu tố ảnh hưởng đến sự thành công hay thất bại của can thiệp chính sách công. | PLO3 | 2 |
| CO2 | Sinh viên có kỹ năng phân tích, hoạch định, xây dựng, ban hành, thực thi và quản trị hiệu quả chính sách công thông qua việc áp dụng các bước trong quy trình chính sách công và phân tích các tình huống chính sách cụ thể. | PLO4 | 4 |
| CO3 | Sinh viên phát triển động cơ và thái độ tích cực, đúng đắn khi tham gia vào các quá trình chính sách công, với ý thức trách nhiệm và cam kết đối với sự phát triển của xã hội và quốc gia. | PLO9 | 3 |

*(1) : Ký hiệu mục tiêu của môn học.*

*(2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR và bối cảnh áp dụng tổng quát. (3), (4): Ký hiệu CĐR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học*.

## 5. Chuẩn đầu ra môn học

*(Các mục cụ thể hay CĐR của môn học và mức độ giảng dạy I, T, U hoặc I, R, M)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CĐR (1)** | **Mô tả CĐR (2)** | **Mức độ giảng dạy (I, T, U)**  **(3)** |
| CLO1 | Nắm vững kiến thức tổng quan về chính sách công, phương pháp tiếp cận | **I T** |
| CLO2 | Phân tích được các yếu tố ảnh hưởng đến sự thành công/thất bại của can thiệp chính sách | **T** |
| CLO3 | Phân tích vai trò các chủ thể trong quy trình chính sách công | **T** |
| CLO4 | Vận dụng kiến thức để phân tích tình huống, hoạch định và đánh giá chính sách | **U** |
| CLO5 | Hình thành động cơ và thái độ tích cực, đúng đắn khi tham gia vào các  quá trình chính sách công, với ý thức trách nhiệm và cam kết đối với sự phát triển của xã hội và quốc gia | **R/M** |

*(1): Ký hiệu CĐR của môn học*

*(2): Mô tả CĐR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR và bối cảnh áp dụng cụ thể.*

*(3): I (Introduce): giới thiệu; T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng hoặc I (Introduce): giới thiệu; R(Reinforced): tăng cường; M(Mastery): thành thạo.*

### 6. Đánh giá môn học

* Yêu cầu chung của học phần theo quy chế:
  + Sinh viên vắng mặt trong buổi thi, đánh giá không có lý do chính đáng phải nhận điểm 0. Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng được dự thi, đánh giá ở một đợt khác và được tính điểm lần đầu.
  + Điểm thành phần: kết quả học tập một học phần được đánh giá theo quá trình học tập, thể hiện bởi các điểm thành phần được làm tròn tới một chữ số thập phân.
  + Điểm học phần được tính từ tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng, được làm tròn tới một chữ số thập phân.

*(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học)*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần đánh giá (1)** | **Bài đánh giá (Ax.x) (2)** | **CĐR môn học (CLOx) (3)** | **Tiêu chí đánh giá (4)** | **Thời lượng đánh giá (5)** | **Trọng số (6)** | **Trọng số con (7)** |
| **A1. Đánh giá quá trình** | **A1.1**: Bài  tập nhóm | CLO2, CLO4, CLO5 | Khả năng áp dụng kiến Vận dụng kiến thức vào tình huống, phân tích – đề xuất, tinh thần hợp tác, trách nhiệm | 1 tuần | 15% (10% nhóm + 5% cá nhân) | Đánh giá đồng đều kiến thức + thái độ |
|  | **A1.2**:  Thuyết trình cá  nhân | CLO1, CLO3, CLO5 | Kiến thức chuyên môn, kỹ năng thuyết trình, sự sáng tạo và tính logic | 10 phút/ sinh viên | 10% |  |
|  | **A1.3**: Kiểm tra ngắn (quiz) | CLO1, CLO2 | Hiểu và vận dụng kiến thức lý thuyết cơ bản | 12-30  phút | 10% |  |
| **A2. Đánh giá giữa kỳ** | **A2.1**: Bài  tập tình huống | CLO2, CLO3, CLO4 | Giải quyết tình huống thực tế, kỹ năng phân  tích và đề xuất giải pháp | 60 phút | 20% | Đảm bảo bao quát lý thuyết |
| **A3. Đánh giá cuối kỳ** | **A3.1**: Trắc nghiệm hoặc tự luận | CLO2, CLO3, CLO4 | Kiến thức toàn diện, khả năng phân tích, tổng hợp, giải quyết vấn đề thực tế | 75 phút | 45% |  |

*(1): Các thành phần đánh giá của môn học.*

*(2): Ký hiệu các bài đánh giá*

*(3): Các CĐR được đánh giá.*

*(4): Tiêu chí đánh giá như bài tập nhóm/cá nhân về nhà, bài tập nhóm/cá nhân tại lớp, dự án, đồ án môn học…..*

*(5): Thời lượng đánh giá theo phút tại lớp (nếu có)*

*(6): Trọng số các bài đánh giá trong tổng điểm môn học*

*(7): trọng số các bài đánh giá trong tổng điểm của thành phần đánh giá*

- Thang điểm đánh giá: theo thang điểm 10, thang điểm 100 hoặc thang điểm 4 được dùng để ghi nhận và phân loại kết quả đánh giá. Thang điểm và cách xếp loại kết quả học tập được thực hiện như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Xếp loại** | **Thang điểm hệ 10** | **Thang điểm hệ 100** | **Thang điểm hệ 4** | |
| **Điểm số** | **Điểm chữ** |
| Xuất sắc | Từ 9,0 đến 10,0 | Từ 90 đến 100 | 4,0 | A+ |
| Giỏi | Từ 8,0 đến cận 9,0 | Từ 80 đến cận 90 | 3,5 | A |
| Khá | Từ 7,0 đến cận 8,0 | Từ 70 đến cận 80 | 3,0 | B+ |
| Trung bình khá | Từ 6,0 đến cận 7,0 | Từ 60 đến cận 70 | 2,5 | B |
| Trung bình | Từ 5,0 đến cận 6,0 | Từ 50 đến cận 60 | 2,0 | C |
| Yếu | Từ 4,0 đến cận 5,0 | Từ 40 đến cận 50 | 1,5 | D+ |
| Kém | Từ 3,0 đến cận 4,0 | Từ 30 đến cận 40 | 1,0 | D |
| < 3,0 | Dưới 30 | 0,0 | F |

- Học phần có điểm từ 5,0 trở lên được xem là học phần đạt, số tín chỉ của học phần này được tính là số tín chỉ tích lũy.

### 7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

*(Các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) và các bài đánh giá của môn học)*

***7.1. Lý thuyết***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TUẦN**  **WEEK** | **NỘI DUNG**  **CONTENT** | **CHUẨN ĐẦU RA DETAILED OUTCOME** | **HOẠT ĐỘNG GIẢNG DẠY**  **& Tài liệu**  **TEACHING AND LEARNING ACTIVITIES** | **HOẠT ĐỘNG ĐÁNH GIÁ ASSESS MENT**  **EVIDEN CE** |
| 1 | **Chương 1: Tổng quan về chính sách công**   * 1. Khái niệm và đặc điểm chính sách công   2. Cấu trúc chính sách công   3. Vai trò chính sách công   4. Phân loại chính sách công   5. Lịch sử chính sách công | CLO1, CLO2, CLO3 | Trên lớp: Giới thiệu môn, Thuyết giảng, thảo luận dẫn nhập; Thảo luận tình huống  - Về nhà:  Chuẩn bị tình huống Sân bay Tân Sơn Nhất – Long Thành  - Tài liệu:  Đỗ Phú Hải (2017), Ch.1-2  Kraft & Furlong (2020), Birkland (2019, Ch.1-2)  - Tham khảo: Kingdon (1984, Ch.1); Video Sandel (Justice – Harvard) | A1.1 (nhóm), A1.2 (cá nhân), A1.3 (quiz) |
| 2 | |  | | --- | | **Chương 1 (tiếp): Giá trị công & công lý**  1.6. Giá trị công, phân phối thu nhập  1.7. Bất bình đẳng |  |  | | --- | |  | | CLO1, CLO2 | - Trên lớp: Thảo luận khái niệm giá trị công, công lý; Phân tích tình huống Sân bay Tân Sơn Nhất – Long Thành  - Về nhà viết bài thu hoạch cá nhân: Tổng kết khi xem video loạt 12 bài giảng về Công lý của Michael Sandel tại ĐH Harvard  - Tài liệu:  Đỗ Phú Hải (2017), Ch.1-2  Kraft & Furlong (2020), Birkland (2019, Ch.1-2) | A1.1 (thảo luận nhóm) |
| 3 | **Chương 2: Cơ sở can thiệp chính sách công** 2.1. Nhà nước và thất bại nhà nước 2.2. Thị trường và thất bại của thị trường  2.3. Xã hội và những vấn đề xã hội 2.3. Tình huống: Tại sao các quốc gia thất bại: Nguồn gốc của thịnh vượng và nghèo đói | CLO1, CLO2, CLO3 | - Trên lớp:  Trên lớp: Thuyết giảng, thảo luận dẫn nhập; Thảo luận tình huống: Phân tích tình huống tại sao các quốc gia thất bại  - Về nhà: Bài đọc Phải trái, đúng sai (Hồ đắc phương dịch) - Tài liệu:  Đỗ Phú Hải (2017), Ch.1-2  Kraft & Furlong (2020), Birkland (2019, Ch.1-2) | A1.1 (nhóm), A1.2 (cá nhân) |
| 4 | **Chương 3: Chính sách hiệu chỉnh thất bại của nhà nước và thị trường**  3.1. Vai trò và hình thức can thiệp của Nhà nước   * Cung cấp hàng hóa công thuần túy * Bảo vệ nhóm yếu thế, đảm bảo an sinh xã hội * Xử lý ngoại tác tiêu cực (môi trường, sức khỏe cộng đồng…) * Điều tiết độc quyền, khắc phục thất bại cạnh tranh không bình đẳng * Phối hợp với khu vực tư nhân trong cung cấp dịch vụ   3.2. Công cụ can thiệp   * Thuế và trợ cấp * Luật và quy định hành chính * Chính sách phân phối lại thu nhập * Các chương trình bảo hiểm xã hội   3.3. Thảo luận ứng dụng   * Phân tích tác động của các công cụ can thiệp trong thực tế Việt Nam * Nghiên cứu tình huống: Thị trường điện thoại Việt Nam (cạnh tranh, điều tiết, bảo vệ người tiêu dùng) | CLO1, CLO2, CLO4 | Trên lớp: Thuyết giảng, thảo luận tình huống  - Về nhà: Bài thu hoạch cá nhân  **Bài đọc:** Chống kẹt xe tại Hà Nội và TP. HCM  **Bài đọc:** Xé rào ưu đãi đầu tư, cuộc chạy đua xuống đáy  - Tài liệu: Kraft & Furlong (2020, Ch.3); Birkland (2019) | A1.3 (quiz), A1.1 (nhóm) |
| 5 | **Chương 4: Các nhân tố tác động và vấn đề đạo đức của người làm chính sách**  4.1. Chủ thể tham gia vào quá trình chính sách công 4.2. Nhân tố ảnh hưởng đến quá trình chính sách công  4.3. Đạo đức của người làm chính sách | CLO2, CLO3, CLO5 | - Trên lớp: Thuyết giảng; Thảo luận vai trò chính trị gia, nhóm lợi ích  - Về nhà: Chuẩn bị case thực tiễn (Covid-19)  Bài thu hoạch cá nhân:Thị trường điện thoại Việt Nam  - Tài liệu: Kraft & Furlong (2020, Ch.4); Kingdon (1984) | A1.2 (cá nhân), A1.1 (nhóm) |
| 6 | **Chương 4 (tiếp): Các nhân tố tác động và vấn đề đạo đức của người làm chính sách**  - Tình huống: Taxi truyền thống vs công nghệ | CLO3, CLO4, CLO5 | Trên lớp: Thảo luận nhóm, phản biện chéo  - Về nhà: Viết thu hoạch Chính sách tài khóa  - Tài liệu: Kraft & Furlong (2020, Ch.4) | A1.2 (cá nhân), A1.1 (nhóm) |
| 7 | **Phân tích tình huống chính sách VN**  - Đại án Việt Á  - Lợi ích nhóm, đạo đức chính sách | CLO2, CLO3, CLO4, CLO5 | - Trên lớp: Phân tích, phản biện nhóm  - Về nhà: Viết thu hoạch Covid-19 and Governance  - Tài liệu: Kraft & Furlong (2020); báo chí VN | A2.1 (bài tập giữa kỳ – tình huống) |
| 8 | **Thuyết trình nhóm**  - Cạnh tranh taxi truyền thống vs công nghệ  - Đại án Việt Á | CLO4, CLO5 | Trên lớp: Nhóm trình bày, nhóm khác phản biện; giảng viên tổng hợp và gợi mở - Về nhà: Viết thu hoạch cá nhân về Chính phủ số | A1.1 (thuyết trình nhóm), A1.2 (phản biện cá nhân) |
| 9 | **Chương 5: Chu trình chính sách công**  5.1. Các giai đoạn của chu trình chính sách công 5.2. Vận động chính sách công  5.3. Tình huống: Hành trình NQ 31-NQ/TW và NQ 98/2023/QH15 | CLO1, CLO2, CLO4, CLO5 | - Trên lớp: Thuyết giảng, thảo luận nhóm  - Về nhà: Chuẩn bị tình huống NQ 98/2023, viết bài thu hoạch  - Tài liệu: Kraft & Furlong (2020, Ch.5); VCCI (2023) | A1.3 (quiz), A1.1 (nhóm) |
| 10 | **Chương 5 (tiếp): Chu trình chính sách công**  5.4. Vấn đề cải cách thể chế  - Tổng kết, ôn tập | CLO1, CLO2, CLO4, CLO5 | - Trên lớp: Ôn tập, thảo luận - Về nhà: Ôn thi, chuẩn bị A3 | A3 (thi cuối kỳ) |

1. *Thông tin về tuần/buổi học.*
2. *: Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục*
3. *: Liệt kê CĐR liên quan của môn học (ghi ký hiệu* CLOx*)*
4. *: Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)*
5. *: Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)*

## 8. Tổng thời lượng học tập

*Ghi chú: 1 tiết = 50 phút = 5/6 giờ; 1 tín chỉ 50h học tập bao gồm cả thời gian học tập trên lớp, tự học, nghiên cứu, dự kiểm tra, đánh giá.*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức** | **Hoạt động dạy và học** | **Số lần** | **Thời lượng (giờ)** | **Tổng thời lượng (giờ)** |
| Thời lượng học trên lớp (bao gồm cả tuần thi) | Giảng dạy theo kế hoạch (9 buổi lý thuyết + thảo luận) | 9 | 4,5 | 40,5 |
| Kiểm tra/ôn tập + thi cuối kỳ (1 buổi) | 1 | 4,5 | 4,5 |
| Tự học ngoài giờ | Đọc tài liệu, chuẩn bị bài trước giờ học | 10 | 3 | 30 |
| Bài tập tình huống (A1.1, A1.2, A1.3) | 3 | 6 | 18 |
| Bài luận/tiểu luận cá nhân (A2.1) | 1 | 15 | 15 |
| Thuyết trình nhóm | 1 | 6 | 6 |
| Ôn tập, chuẩn bị thi cuối kỳ | 1 | 18-24 | 18-24 |
| **Tổng thời lượng/150 giờ** | |  |  | 135-150 |
| **Chuyển đổi tín chỉ theo ECTS** | |  |  | 3 |

### 9. Quy định của môn học

*(Các quy định của môn học (nếu có), thí dụ: sinh viên không nộp bài tập và các báo cáo đúng hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ…)*

### *9.1. Quy định về tham dự lớp học*

- Sinh viên có nhiệm vụ tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp phải nghỉ học vì lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

- Các quy định khác theo quy định chung của Trường Đại học Kinh tế - Luật.

- Quy định về hành vi trong lớp học

- Khóa học được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy.

- Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định.

- Tuyệt đối không được ăn, uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị điện tử như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

### *9.2. Quy định về học vụ*

- Lớp học được phân chia thành các nhóm, mỗi nhóm được nhận một đề tài/bài tập tình huống trong phạm vi môn học và do giảng viên đề xuất.

- Phương pháp đánh giá nội dung thuyết trình và kiểm tra được qui định chi tiết trong Mục 7 của đề cương môn học.

- Các vấn đề liên quan đến bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật thi cử được thực hiện theo quy chế học vụ của trường Đại học Kinh tế-Luật, ĐHQG-HCM.

### 10. Phụ trách môn học

* Khoa: Quản trị kinh doanh
* Bộ môn: Quản lý công
* Địa chỉ và email liên hệ: [khoaqtkd@uel.edu.vn](mailto:khoaqtkd@uel.edu.vn)

### 11. Đề cương được cập nhật và biên soạn ngày: 17/04/2025

**12. Đề cương được thẩm định và thông qua ngày: 20/4/2025**

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 04 năm 2025*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **A signature on a white background  AI-generated content may be incorrect.GIẢNG VIÊN LẬP ĐỀ CƯƠNG**  **Đào Văn Hân** | **A signature on a white background  AI-generated content may be incorrect.TRƯỞNG BỘ MÔN**  **Nguyễn Thị Thu Hòa** | **TRƯỞNG KHOA**  A blue letter on a black background  Description automatically generated  **Trần Thị Hồng Liên** |

**PHỤ LỤC 1**

**MỘT SỐ RUBRIC GIẢNG VIÊN TỰ THIẾT KẾ CHO CÁC BÀI ĐÁNH GIÁ**

**1. Rubric 1: Bài tập cá nhân & Quá trình học tập (A1.1, A1.2, A1.3)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tỷ lệ** | **Tiêu chí (gắn Bloom)** | **< 5** | **5 – < 7** | **7 – < 9** | **9 – 10** | **Hình thức đánh giá** |
| 40% | Kiến thức và lập luận (Nhớ – Hiểu – Vận dụng – Phân tích) | Bài làm sơ sài, sai nhiều, không gắn với yêu cầu kiểm soát | Hiểu và trình bày cơ bản, còn hời hợt | Vận dụng hợp lý, phân tích khá rõ, có dẫn chứng | Vận dụng kiến thức sâu rộng, phân tích logic, sáng tạo, toàn diện | A1.2, A1.3 |
| 30% | Kỹ năng thảo luận – trình bày – phản biện | Thụ động, không lập luận | Trình bày cơ bản, còn thiếu tự tin | Diễn đạt rõ ràng, logic, có lập luận | Trình bày lưu loát, lập luận thuyết phục, phản biện linh hoạt | A1.2, A1.3 |
| 30% | Thái độ học tập & chuyên cần (Đạo đức – Trách nhiệm) | Vắng nhiều buổi, không tham gia | Tham gia nhưng thụ động | Tham gia tích cực, đúng giờ | Chủ động, gương mẫu, hợp tác tốt | A1.1 |

**2. Rubric 2:** **Kiểm tra giữa kỳ (A2.1)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tỷ lệ** | **Tiêu chí (gắn Bloom)** | **< 5** | **5 – < 7** | **7 – < 9** | **9 – 10** | **Hình thức đánh giá** |
| 40% | Nội dung kiến thức (Nhớ – Hiểu – Vận dụng – Phân tích) | Nội dung thiếu, sai nhiều, không logic | Trình bày đúng cơ bản, còn thiếu hệ thống | Phân tích hợp lý, có ví dụ minh họa | Nội dung sâu sắc, liên hệ thực tiễn tốt | A2.1 |
| 40% | Kỹ năng trình bày – phối hợp nhóm | Trình bày rời rạc, thiếu hợp tác | Trình bày rõ ràng nhưng chưa hấp dẫn | Trình bày logic, phối hợp khá tốt | Thuyết trình chuyên nghiệp, phối hợp nhịp nhàng | A2.1 |
| 20% | Thái độ – trách nhiệm | Thiếu nghiêm túc, không hoàn thành phần việc | Tham gia mức cơ bản | Có trách nhiệm, nghiêm túc | Gương mẫu, tinh thần trách nhiệm cao | A2.1 |

**3. Rubric 3: Thi cuối kỳ (A3.1)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tỷ lệ** | **Tiêu chí (gắn Bloom)** | **< 5** | **5 – < 7** | **7 – < 9** | **9 – 10** | **Hình thức đánh giá** |
| 40% | Hệ thống kiến thức (Nhớ – Hiểu – Vận dụng – Đánh giá) | Không nắm kiến thức cơ bản | Hiểu cơ bản, còn thiếu khái quát | Hiểu đầy đủ, phân tích hợp lý | Hiểu sâu, phân tích sáng tạo, toàn diện | A3.1 |
| 40% | Kỹ năng phân tích – vận dụng mô hình/công cụ kiểm soát (Vận dụng – Phân tích – Đánh giá) | Bài làm sai nhiều, không biết vận dụng | Vận dụng được ở mức cơ bản | Phân tích hợp lý, lập luận khá tốt | Vận dụng sáng tạo, logic, đề xuất giải pháp phù hợp | A3.1 |
| 20% | Thái độ nghề nghiệp (Đạo đức – Trách nhiệm – Liêm chính) | Thiếu nghiêm túc, nhiều lỗi | Thực hiện ở mức cơ bản | Nghiêm túc, có trách nhiệm | Chuyên nghiệp, liêm chính, gương mẫu | A3.1 |

**PHỤ LỤC 2**

**MỘT SỐ THANG ĐO THIẾT KẾ CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN**

**1. Thang đo đánh giá nhận thức Bloom**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cấp độ miền nhận thức** | **Động từ thường dùng** | **Ví dụ CĐR gắn với học phần** |
| 1. Nhớ (Remember) | Liệt kê, mô tả, nhận diện | Liệt kê các công cụ, phương thức kiểm soát trong quản lý công. |
| 2. Hiểu (Understand) | Giải thích, phân loại, tóm tắt | Giải thích được vai trò, ý nghĩa của kiểm soát trong chu trình QLNN. |
| 3. Vận dụng (Apply) | Áp dụng, minh họa, thực hiện | Áp dụng một số công cụ kiểm soát vào tình huống quản lý giả định. |
| 4. Phân tích (Analyze) | So sánh, phân tách, chỉ ra, đối chiếu | Phân tích hạn chế, bất cập trong hoạt động kiểm soát của CQHC cụ thể. |
| 5. Đánh giá (Evaluate) | Nhận xét, phán đoán, phản biện | Đánh giá hiệu quả của một cơ chế kiểm soát trong thực tiễn. |
| 6. Sáng tạo (Create) | Thiết kế, đề xuất, cải tiến | Đề xuất giải pháp đổi mới phương thức kiểm soát trong quản lý công. |

**2. Thang đo đánh giá kỹ năng Dave (1970)**

| **Cấp độ miền tâm vận động** | **Động từ thường dùng** | **Ví dụ CĐR gắn với học phần** |
| --- | --- | --- |
| 1. Bắt chước (Imitation) | Thực hiện theo, mô phỏng, tái tạo… | Thực hành theo hướng dẫn một bước kiểm soát cơ bản (kiểm tra hồ sơ, thủ tục). |
| 2. Thao tác (Manipulation) | Thực hiện, vận hành, triển khai… | Soạn thảo báo cáo kiểm soát đơn giản dựa trên quy trình mẫu. |
| 3. Chuẩn hóa (Precision) | Hiệu chỉnh, hoàn thiện, kiểm tra… | Thực hiện đúng chuẩn bước phân tích dữ liệu kiểm soát. |
| 4. Phối hợp (Articulation) | Kết hợp, phối hợp, tích hợp… | Phối hợp nhiều công cụ kiểm soát để xử lý một tình huống quản lý. |
| 5. Tự nhiên hóa (Naturalization) | Làm chủ, sáng tạo, thiết kế… | Chủ động xây dựng mô hình kiểm soát mới trong hoạt động QLNN. |

**3. Thang đo đánh giá đạo đức và trách nhiệm (Krathwohl)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Bậc Krathwohl** | **Chuẩn đầu ra (CLO – A)** | **Mô tả gắn với học phần** |
| 1. Tiếp nhận (Receiving) | CLO1 – A1.1 | Nhận thức được sự cần thiết của hoạt động kiểm soát trong QLC. |
| 2. Hưởng ứng (Responding) | CLO2 – A1.2, A2.1 | Tham gia tích cực vào thảo luận, bài tập tình huống về kiểm soát công. |
| 3. Hình thành giá trị (Valuing) | CLO2 – A1.3, A2.1 | Coi trọng tính minh bạch, hiệu quả trong các cơ chế kiểm soát. |
| 4. Hệ thống hóa (Organizing) | CLO3 – A2.1, A3.1 | Biết lựa chọn, sắp xếp giá trị kiểm soát để hình thành tư duy hệ thống. |
| 5. Tính cách hóa (Characterizing) | CLO3 – A3.1 | Hình thành thái độ liêm chính, trách nhiệm, nhất quán trong hoạt động kiểm soát công. |

A diagram of a pyramid

AI-generated content may be incorrect.

**PHỤ LỤC 3**

**CHIẾN LƯỢC, PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC (TLMS)**

**VÀ CHIẾN LƯỢC, PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ (AMS)**

**1. Chiến lược và phương pháp dạy - học (TLMS)**

| **Chiến lược và phương pháp dạy – học (TLMx)** | **Mô tả** |
| --- | --- |
| **I. Chiến lược dạy học trực tiếp** | |
| TLM1 – Thuyết giảng (Lecture) | GV trình bày trọng tâm: khái niệm, nguyên tắc, vai trò và phương thức kiểm soát trong QLC; SV lắng nghe, ghi chép, đặt câu hỏi làm rõ. |
| TLM2 – Câu hỏi gợi mở (Inquiry) | GV đặt vấn đề tình huống (ví dụ: tại sao kiểm soát thất bại?); SV suy nghĩ – thảo luận – trả lời theo bước để hình thành hiểu biết hệ thống. |
| TLM3 – Giải thích cụ thể (Explicit Teaching) | GV “làm mẫu tư duy kiểm soát”: xác định mục tiêu → xây dựng tiêu chí/chỉ số → thiết kế checklist/phiếu kiểm tra; SV thực hành theo bước. |
| TLM4 – Kỹ thuật minh họa (Demonstration) | GV minh họa quy trình kiểm soát qua biểu mẫu, sơ đồ; SV quan sát – bắt chước – luyện tập thao tác. |
| **II. Chiến lược dạy học dựa vào hoạt động – trải nghiệm** | |
| TLM5 – Trò chơi/thi đua học tập (Game/Competition) | Tổ chức trò chơi ngắn (ví dụ: “phát hiện nhanh sai sót trong văn bản/phiếu kiểm”) để củng cố kiến thức và tăng động lực học tập. |
| **III. Chiến lược dạy kỹ năng tư duy** | |
| TLM9 – Giải quyết vấn đề (Problem Solving) | SV phân tích tình huống thực tế (kiểm soát chi NSNN, kiểm soát TTHC…), xác định lỗi – nguyên nhân – đề xuất giải pháp. |
| TLM10 – Bài tập tình huống (Case Study) | GV giao tình huống thực tiễn, SV phân tích – phản biện – đưa ra quyết định kiểm soát phù hợp. |
| TLM11 – Tập kích não (Brainstorming) | SV nhóm nêu ý tưởng: tiêu chí kiểm soát, công cụ phù hợp, giải pháp cải tiến; tổng hợp thành checklist. |
| **IV. Chiến lược dạy học tương tác** | |
| TLM12 – Thảo luận nhóm (Panel Discussion) | Nhóm phân tích mô hình kiểm soát cụ thể, trình bày kết quả và phản biện chéo với nhóm khác. |
| TLM13 – Học tập hợp tác (Collaborative Learning) | SV phối hợp thiết kế báo cáo kiểm soát, phân vai – hỗ trợ lẫn nhau để hoàn thành sản phẩm chung. |
| **V. Chiến lược dạy học theo hướng nghiên cứu** | |
| TLM14 – Dự án nghiên cứu (Independent Project) | SV nghiên cứu chuyên đề nhỏ (ví dụ: kiểm soát nội bộ trong cơ quan X), thu thập minh chứng – phân tích – báo cáo kết quả. |
| TLM15 – Tiếp cận dựa trên nghiên cứu (Research-based) | GV giao nhiệm vụ “tìm – đọc – trích” văn bản pháp lý về kiểm soát; SV nghiên cứu độc lập, trình bày kết quả. |
| **VI. Chiến lược dạy học dựa vào công nghệ** | |
| TLM18 – Học trực tuyến (E-learning) | Sử dụng LMS để giao/nộp bài tập, tổ chức quiz kiểm soát, SV truy cập tài liệu mọi lúc. |
| TLM19 – Kết hợp trực tiếp – trực tuyến (Blended model) | Kết hợp giảng dạy trên lớp với trực tuyến: thảo luận tình huống trên lớp, nộp báo cáo & phản hồi qua LMS. |
| **VII. Chiến lược tự học** | |
| TLM20 – Bài tập ở nhà (Work Assignment) | SV làm báo cáo/phiếu phân tích kiểm soát, tự tìm tài liệu, quản lý thời gian, nộp sản phẩm để GV phản hồi. |

**2. Chiến lược và phương pháp đánh giá (AMS)**

| **Phương pháp đánh giá** | **Mô tả gắn với học phần** |
| --- | --- |
| **I. Đánh giá theo tiến trình (Formative Assessment)** | |
| AM1 – Đánh giá chuyên cần (Attendant Check) | Sinh viên tham dự đầy đủ, đúng giờ; thể hiện thái độ học tập nghiêm túc, tôn trọng quy định lớp học (A1.1). |
| AM2 – Đánh giá bài tập (Work Assignment) | Hoàn thành bài tập cá nhân/nhóm tại lớp hoặc ở nhà. Nội dung gắn với yêu cầu phân tích tình huống, soạn thảo báo cáo kiểm soát. (A1.3). |
| AM3 – Đánh giá thảo luận, xử lý tình huống (Discussion/Case-based Assessment) | Sinh viên tham gia thảo luận, phân tích tình huống kiểm soát (ví dụ: kiểm soát ngân sách, thủ tục hành chính); thể hiện năng lực phản biện và giải quyết vấn đề (A1.2). |
| **II. Đánh giá tổng kết, định kỳ (Summative Assessment)** | |
| AM4 – Kiểm tra giữa kỳ (Mid-term Test) | Bài kiểm tra kết hợp trắc nghiệm và tự luận ngắn; đánh giá năng lực nắm kiến thức cơ bản và khả năng vận dụng công cụ kiểm soát trong tình huống (A2.1). |
| AM5 – Thi cuối kỳ (Final Exam) | Bài thi viết kết hợp trắc nghiệm và phân tích tình huống; đánh giá toàn diện kiến thức, kỹ năng vận dụng và thái độ nghề nghiệp trong kiểm soát công (A3.1). |

**PHỤ LỤC 4**

**MA TRẬN LIÊN KẾT CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN (CLO)**

**VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (PLO)**

**1. Bảng đối sánh CO – CLO với PO - PLO ngành Quản lý công**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **MÃ HỌC PHẦN** | **TÊN HỌC PHẦN** | **SỐ TÍN CHỈ** | **CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO** | | | | | | | | | | **TỔNG SỐ** |
| **KIẾN THỨC** | | | **KỸ NĂNG** | | | | **MỨC TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM** | | |
| **PLO1** | **PLO2** | **PLO3** | **PLO4** | **PLO5** | **PLO6** | **PLO7** | **PLO8** | **PLO9** | **PLO10** |
| BEM5002 | Chính sách công | 3 |  |  | x | x |  |  |  |  | x |  | 3 |

**2. Đối sánh CO – CLO với PLO ngành Quản lý công**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CO – CLO** | **PLO ngành** | **Giải thích liên kết** |
| **CO1 – CLO1:** Hiểu và trình bày được khái niệm, nguyên tắc, các bước trong quy trình chính sách công. | PLO3 | Gắn với kiến thức chuyên sâu ngành QLC, giúp SV có nền tảng để phân tích, đánh giá và hoạch định chính sách công. |
| **CO2 – CLO2:** Phân tích được các yếu tố ảnh hưởng đến sự thành công hay thất bại của chính sách công. | PLO4 | Liên quan đến năng lực phản biện, kỹ năng phân tích và giải quyết các vấn đề phức tạp trong quản trị – quản lý. |
| **CO3 – CLO3:** Thể hiện thái độ, ý thức trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp khi tham gia vào các quá trình chính sách công. | PLO9 | Gắn với năng lực quản lý, điều hành trong tổ chức công và tinh thần trách nhiệm xã hội, đạo đức công vụ. |